

Số: 18/2022/NQ-HĐND

Bắc Kạn, ngày 09 tháng 12 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND và Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 27/4/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 11**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 31 ngày 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Xét Tờ trình số 212/TTr-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND và Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 27/4/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 187/BC-HĐND ngày 02 tháng 12 năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 và hằng năm trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 27/4/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 9 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 9 như sau:

“b) Phân bổ vốn sự nghiệp: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí cho Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Bắc Kạn và các địa phương như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi ha rừng được hỗ trợ khoán bảo vệ rừng đối với rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và diện tích rừng tự nhiên do Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Bắc Kạn và UBND cấp xã trực tiếp quản lý	0,004	a	0,004 x a

b) Sửa đổi, bổ sung gạch đầu dòng thứ nhất điểm b khoản 2 Điều 9 như sau:

“Phân bổ cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Tối đa 19% tổng số vốn của tiểu dự án để hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng được liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ”.

c) Sửa đổi, bổ sung gạch đầu dòng thứ hai điểm b khoản 2 Điều 9 như sau:

“- Phân bổ cho các địa phương:

+ Thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng theo danh mục được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

+ Thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ.

+ Thực hiện thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 4 Điều 11 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 11 như sau:

“2. Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (vốn sự nghiệp)”

a) Nội dung 1: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc

- Phân bổ vốn cho Sở Nội vụ: Tối đa 16% tổng số vốn sự nghiệp của nội dung 1 của tiểu dự án 2.

- Phân bổ cho các địa phương: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số	0,204	a	0,204 x a
	Tổng cộng			X_{k,i}

Xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có).

b) Nội dung 2: Đào tạo đại học, sau đại học: Phân bổ 100% tổng vốn sự nghiệp của nội dung 2, tiểu dự án 2 cho Sở Giáo dục và Đào tạo.”

b) Sửa đổi khoản 4 Điều 11 như sau:

“4. Tiểu dự án 4. Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp (vốn sự nghiệp):

- Phân bổ cho Ban Dân tộc tỉnh tối đa 5% tổng số vốn sự nghiệp của tiểu dự án 4.

- Phân bổ cho các địa phương: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã ĐBKK (xã khu vực III), xã ATK thuộc khu vực II, I (xã chưa được cấp có thẩm quyền công nhận đạt chuẩn NTM, hoàn thành mục tiêu Chương trình 135)	15	a	15 x a
2	Mỗi thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III (Số thôn ĐBKK được tính điểm phân bổ vốn không quá 04 thôn/xã ngoài khu vực III)	1,5	b	1,5 x b
	Tổng cộng			X_{k,i}

Xã đặc biệt khó khăn được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có); xã ATK được xác định theo Quyết định của cấp có thẩm quyền; thôn đặc biệt khó khăn không thuộc xã khu vực III được xác định theo Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có).”

3. Sửa đổi khoản 2 Điều 13 như sau:

“Phân bổ cho Sở Y tế: Tối đa 100% vốn sự nghiệp của dự án 7”.

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 15 như sau:

a) Sửa đổi gạch đầu dòng thứ nhất Điều 15 như sau:

“- Phân bổ cho cơ quan cấp tỉnh: Tối đa 20% vốn sự nghiệp của tiểu dự án 2, trong đó: Ban Dân tộc tối đa 12%; Sở Y tế tối đa 8%”.

b) Bổ sung Điều 15a vào sau Điều 15 như sau:

“Điều 15a. Phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Dự án 9 - Đầu tư phát triển nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn (*vốn sự nghiệp*)

Tiểu dự án 1. Đầu tư tạo sinh kế bền vững, phát triển kinh tế xã hội nhóm dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn: Phân bổ 100% tổng vốn ủy thác cho Chi nhánh ngân hàng chính sách xã hội tỉnh.”

5. Sửa đổi Điều 16 như sau:

a) Sửa đổi gạch đầu dòng thứ nhất khoản 1 Điều 16 như sau:

“- Phân bổ tối đa 50% tổng vốn sự nghiệp của tiểu dự án 1 cho cơ quan cấp tỉnh, trong đó: Ban Dân tộc tối đa 35%; Sở Tư pháp tối đa 15%”.

b) Sửa đổi gạch đầu dòng thứ nhất điểm a, khoản 2 Điều 16 như sau:

“- Phân bổ cho Sở Thông tin và Truyền thông: Tối đa 15% vốn đầu tư của tiểu dự án 2”.

c) Sửa đổi gạch đầu dòng thứ nhất điểm b, khoản 2 Điều 16 như sau:

“- Phân bổ cho các cơ quan cấp tỉnh: Tối đa 67% vốn sự nghiệp của tiểu dự án 2, trong đó: Sở Thông tin và Truyền thông tối đa 50%; Liên minh Hợp tác xã tối đa 17%”.

d) Sửa đổi gạch đầu dòng thứ nhất khoản 3 Điều 16 như sau:

“- Phân bổ cho các cơ quan cấp tỉnh tối đa 44% tổng vốn sự nghiệp của tiểu dự án 3 (*Ban Dân tộc tối đa 10,5%, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tối đa 2,5%, Sở Giáo dục và Đào tạo tối đa 01%, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh tối đa 01%, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tối đa 01%, Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch tối đa 01%, Sở Y tế tối đa 01%, Hội liên hiệp Phụ nữ tỉnh tối đa 01%, Sở Tài chính tối đa 01%, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh tối đa 10%, Sở Kế hoạch và Đầu tư tối đa 01%, Sở Giao thông vận tải tối đa 01%, Sở Công Thương tối đa 01%, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tỉnh tối đa 01%, Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh tối đa 01%, Sở Nội vụ tối đa 01%, Công an tỉnh tối đa 01%, Ban Dân vận Tỉnh ủy tối đa 01%, Sở Tư pháp tối đa 01%, Sở Thông tin và Truyền thông tối đa 01%, Liên minh Hợp tác xã tối đa 01%, Hội Nông dân tối đa 01%; Sở Xây dựng tối đa 01% và Sở Tài nguyên và Môi trường tối đa 01%*)”.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 27/4/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 8 như sau:

“b) Phân bổ cho các địa phương: Theo tiêu chí và hệ số cụ thể như sau:

- Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của địa phương

Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo	Hệ số
Dưới 20%	0,4
Từ 20% đến dưới 30%	0,5
Từ 30% đến dưới 40%	0,6
Từ 40% đến dưới 50%	0,7
Từ 50% đến dưới 60%	0,8
Từ 60% trở lên	0,9

- Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của địa phương

Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo	Hệ số
Dưới 2.000 hộ	0,4
Từ 2.000 hộ đến dưới 3.000 hộ	0,5
Từ 3.000 hộ đến dưới 4.000 hộ	0,6
Từ 4.000 hộ đến dưới 5.000 hộ	0,7
Từ 5.000 hộ trở lên	0,8

- Tiêu chí 3: Địa bàn khó khăn

Địa bàn khó khăn	Hệ số
Huyện nghèo	0,12

- Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã

Số đơn vị hành chính cấp xã	Hệ số
Dưới 11 xã	1,0
Từ 11 xã đến 15 xã	1,15
Từ 16 xã trở lên	1,3

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho địa phương

Vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho từng địa phương được tính theo công thức:

$$C_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$$

Trong đó:

C_i là vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho địa phương thứ i .

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo; tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của địa phương thứ i .

Y_i là tổng hệ số tiêu chí vùng khó khăn, số đơn vị hành chính cấp xã của địa phương thứ i , được tính theo công thức: $Y_i = HN_i \times 2,5 + ĐV_i$

HN_i là hệ số của địa bàn khó khăn (*huyện nghèo*) của địa phương thứ i .

$ĐV_i$ là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của địa phương thứ i .

Q là vốn bình quân của một huyện, được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i \cdot Y_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách nhà nước (*bao gồm vốn ngân sách trung ương và vốn ngân sách địa phương*) phân bổ cho các địa phương để thực hiện tiêu dự án 1 của Dự án 3”.

2. Sửa đổi nội dung tại tiêu chí số 2, điểm b khoản 1 Điều 9 như sau:

“(Trường Cao đẳng Bắc Kạn tính điểm theo bình quân số hộ nghèo và hộ cận nghèo bình quân của tỉnh)”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 9 như sau:

“3. Tiêu dự án 3. Hỗ trợ việc làm bền vững

a) Đối với vốn đầu tư phát triển: Phân bổ vốn theo dự án đầu tư cụ thể được cấp thẩm quyền phê duyệt, giao Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ chi tiết.

b) Đối với vốn sự nghiệp: Phân bổ ngân sách nhà nước của Tiêu dự án: Phân bổ tối đa 10% cho các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; phân bổ tối thiểu 90% cho các địa phương.

- Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho địa phương

Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của địa phương

Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo	Hệ số
Dưới 20%	0,4
Từ 20% đến dưới 30%	0,5
Từ 30% đến dưới 40%	0,6
Từ 40% đến dưới 50%	0,7
Từ 50% đến dưới 60%	0,8
Từ 60% trở lên	0,9

Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của địa phương

Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo	Hệ số
Dưới 2.000 hộ	0,4
Từ 2.000 hộ đến dưới 3.000 hộ	0,5
Từ 3.000 hộ đến dưới 4.000 hộ	0,6
Từ 4.000 hộ đến dưới 5.000 hộ	0,7
Từ 5.000 hộ trở lên	0,8

Tiêu chí 3: Lực lượng lao động từ đủ 15 tuổi trở lên của địa phương

<i>Lực lượng lao động từ đủ 15 tuổi trở lên của huyện</i>	Hệ số
Dưới 20.000 người	1,0
Từ 20.000 người đến dưới 30.000 người	1,3
Từ 30.000 người đến dưới 40.000 người	1,6
Từ 40.000 người trở lên	1,9

- Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho địa phương

Vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho từng địa phương được tính theo công thức:

$$M_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$$

Trong đó:

M_i là vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho địa phương thứ i .

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo; tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của địa phương thứ i .

Y_i là hệ số lực lượng lao động từ đủ 15 tuổi trở lên của địa phương thứ i .

Q là vốn bình quân của một huyện, được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i \cdot Y_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách nhà nước (bao gồm vốn ngân sách trung ương và vốn ngân sách địa phương) phân bổ cho các địa phương để thực hiện Tiểu dự án 3 thuộc Dự án 4.”

4. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 11 như sau:

“a) Phân bổ ngân sách nhà nước của Tiểu dự án: Phân bổ tối đa 30% cho các Sở, ban, ngành cấp tỉnh và nhu cầu kinh phí thực hiện nội dung đặc thù giảm nghèo thông tin theo hướng dẫn của cơ quan chủ trì Tiểu dự án (gọi là D); phần ngân sách còn lại tối thiểu (100% - 30% - D) thực hiện phân bổ cho các địa phương”.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X, kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2022. Các nội dung: Bổ sung tiêu chí “diện tích rừng tự nhiên do UBND cấp xã trực tiếp quản lý” tại điểm b khoản 1 Điều 9, sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 9, bổ sung Điều 15a, sửa đổi gạch đầu dòng thứ nhất điểm a, khoản 2 Điều 16 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND; sửa đổi, bổ sung tiêu chí số 2, điểm b khoản 1 Điều 9, sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 9, sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 11 Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND có hiệu lực kể từ ngày 19 tháng 12 năm 2022. Các nội dung bổ sung, sửa đổi còn lại có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2023./.

Nơi nhận: *TL*

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ, VPQH, VPCP, VPCTN;
- Ban Công tác đại biểu (UBTVQH);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Tài chính;
- Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội;
- Ủy ban Dân tộc;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Vụ Pháp chế (Ủy ban Dân tộc);
- Vụ Pháp chế (Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội);
- Thường trực Tỉnh ủy, UBND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể tỉnh;
- Thường trực Huyện (Thành) ủy; HĐND, UBND, UBMTTQVN các huyện, thành phố;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- LĐVP;
- Phòng Công tác HĐND;
- Lưu: VT *MTA*

CHỦ TỊCH

Phương Thị Thanh